

MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI, BẢO ĐẢM TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

TS DƯƠNG THANH MỪNG

Học viện Chính trị khu vực III

Nghiên cứu, vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh chính là sự tìm tòi, vận dụng những tri thức, kinh nghiệm, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức của Người vào trong công tác quản lý, phát triển đất nước dựa theo lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Nét đặc sắc trong suốt quá trình quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội của Hồ Chí Minh chính là sự chuyển hóa các giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin cùng với tinh hoa văn hóa nhân loại và những truyền thống quý báu của dân tộc để từ đó định hình nên một hình thái nhà nước kiểu mới, với những cách thức quản lý, vận hành theo một phong cách mới chưa từng có trong lịch sử dân tộc.

1. Mục tiêu quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Trong suốt sự nghiệp cách mạng, Hồ Chí Minh đã từng có nhiều câu nói, nhiều bài viết thể hiện quan điểm, mục tiêu quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội. Có thể gói gọn những mục tiêu, lý tưởng của Người qua lời nhắn nhủ rằng: “Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”¹. Thông qua lời di huấn này có thể xác định được những mục tiêu, nhiệm vụ cơ bản mà Người đặt ra cho Đảng trong quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội chính là độc lập, thống nhất, hòa bình, dân chủ và giàu mạnh. Độc lập, thống

nhất, hòa bình chính là mục tiêu, dân chủ, giàu mạnh chính là đích đến của sự nghiệp quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội.

Thứ nhất, độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội

Đối với vấn đề độc lập dân tộc, đây chính là chìa khóa then chốt cần phải đạt được nếu muốn quản lý, phát triển đất nước dựa trên tinh thần tự chủ. Với Hồ Chí Minh, “không có gì quý hơn độc lập, tự do”, độc lập dân tộc phải là một nền độc lập hoàn toàn. Nền độc lập đó bao gồm đầy đủ chủ quyền quốc gia, tự chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội cho đến quốc phòng an ninh, đối ngoại. Hồ Chí Minh khẳng định, độc lập dân tộc là điều thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Độc lập phải gắn liền với tự do bởi nếu nước nhà được độc lập mà Nhân dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập ấy cũng chẳng có nghĩa lý gì².

Độc lập phải gắn với thống nhất trên nguyên tắc “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một”³. Nguyên tắc này được Hồ Chí Minh thể hiện nhất quán trong suốt quá trình hoạt động cách mạng. Ngay trong *Bản án chế độ thực dân Pháp* viết vào năm 1925 hay trong kháng chiến chống Mỹ, Người luôn khẳng định: “Nước Việt Nam là một, từ Nam chí Bắc chung một tiếng nói, một lịch sử, một nền văn hóa và một nền kinh tế”⁴. Độc lập, thống nhất vừa là nhu cầu, nguyện vọng của toàn thể dân tộc, vừa là cơ sở để thực hiện quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội dựa trên lý tưởng xã hội xã hội chủ nghĩa. Vì thế, “đấu tranh cho thống nhất là con đường sống của nhân dân Việt Nam”⁵.

Độc lập dân tộc phải gắn với hòa bình. Theo Hồ Chí Minh, chỉ có độc lập dân tộc thật sự mới có một nền hòa bình chân chính; chỉ có hòa bình chân chính, mới có độc lập hoàn toàn. Không thể có độc lập dân tộc thực sự khi đất nước còn lệ thuộc hoặc có sự hiện diện của quân đội nước ngoài. Trong lần trả lời phỏng vấn vào năm 1965, Người khẳng định: “Nhân dân Việt Nam rất yêu chuộng hòa bình, nhưng hòa bình không thể tách rời độc lập dân tộc. Nhân dân Việt Nam biết rằng muốn có hòa bình thực sự thì phải có độc lập thực sự; và đấu tranh cho độc lập dân tộc tức là đấu tranh bảo vệ hòa bình”⁶.

Độc lập, thống nhất, hòa bình chưa phải là mục tiêu cuối cùng của sự nghiệp cách mạng Việt Nam mà trên cơ sở của những yếu tố này để tiến tới một nấc thang cao hơn đó chính là chủ nghĩa xã hội. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội có mối quan hệ biện chứng, chặt chẽ với nhau. Đó chính là hai giai đoạn nối tiếp nhau của một quá trình cách mạng. Giữa hai giai đoạn này không có bức tường ngăn cách, cách mạng dân tộc dân chủ xác lập cơ sở, tiền đề cho cách mạng xã hội chủ nghĩa, cách mạng xã hội chủ nghĩa khẳng định và bảo vệ vững chắc nền độc lập. Người khẳng định, cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn. Xây dựng chủ nghĩa xã hội không chỉ gắn liền với độc lập dân tộc, mà còn là phương thức, điều kiện để giữ vững độc lập, thực hiện quyền tự do, hạnh phúc của Nhân dân.

Thứ hai, xây dựng, thực thi nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

Mục tiêu tiếp theo của vấn đề quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh chính là phải xây dựng được nền dân chủ xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân. Để thực hiện thành công mô hình nhà nước kiểu mới này, công tác quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội phải hướng đến các mục tiêu cơ bản sau:

Phải khẳng định được vị trí, vai trò làm chủ của Nhân dân. Theo Hồ Chí Minh: “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ”⁷. Giá trị xã hội đích thực của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là ở chỗ giành về cho đại đa số nhân dân những quyền lực của chính họ. Người khẳng định: “Bao nhiêu lợi ích

đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đời đời, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân... Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”⁸. Chính vì quyền hành, lực lượng đều ở nơi dân nên trọng tâm của quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội trước tiên phải hướng đến Nhân dân. Phải bảo đảm quyền lực thực sự thuộc về Nhân dân, Nhân dân phải là người làm chủ, người có quyền quyết định vận mệnh của đất nước. Đề quyền làm chủ của Nhân dân được bảo đảm và thực thi trong thực tế thì cần phải xây dựng, hoàn thiện thể chế, phương thức quản lý phát triển xã hội. Trong đó, trọng tâm là phải xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhân dân sẽ thực hiện quyền làm chủ của mình bằng nhà nước pháp quyền cùng các tổ chức xã hội do chính họ lập ra và quản lý.

Nhân dân phải là người bầu ra và quản lý bộ máy nhà nước. Tổng tuyển cử là hình thức dân chủ, thể hiện năng lực điều hành, quản lý phát triển xã hội của nhà nước kiểu mới. Thông qua tổng tuyển cử, Nhân dân sẽ lựa chọn, bầu ra những đại biểu của mình, những đại biểu này sẽ thay mặt cho Nhân dân tổ chức, điều hành các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương. “Tổng tuyển cử là một dịp cho toàn thể quốc dân tự do lựa chọn những người có tài, có đức để gánh vác công việc nước nhà... Do Tổng tuyển cử mà toàn dân bầu ra Quốc hội. Quốc hội sẽ cử ra Chính phủ. Chính phủ đó thật là chính phủ của toàn dân”⁹. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nhà nước dân chủ không chỉ thể hiện ở việc bầu cử Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, mà còn ở quyền kiểm soát, bãi miễn hoạt động của các đại biểu. Người nêu rõ: “Nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân”¹⁰. Người khẳng định, mọi người dân, không phân biệt đảng phái, tôn giáo, giàu nghèo, gái trai... đều có quyền bầu và ứng cử.

Nhà nước phải thực sự vì dân cả trong nhận thức và hành động. Nhà nước vì dân là nhà nước phục vụ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân, lấy lợi ích hợp pháp của Nhân dân làm ngọn nguồn cho mọi mục tiêu phấn đấu. Nhà nước không có đặc quyền, đặc lợi, đứng trên Nhân dân mà phải thực sự

trong sạch, liêm khiết. Hồ Chí Minh từng nhắc nhở: “Các cơ quan Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh vác việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật. Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh”¹¹. Chức năng quản lý phát triển xã hội cơ bản của nhà nước là hướng dẫn cho nhân dân xây dựng đời sống, thực hành tiết kiệm, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần. Việc đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu lợi ích của nhân dân chính là tiêu chí hàng đầu để đánh giá hiệu quả, năng lực quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội của Nhà nước. Bởi theo Hồ Chí Minh: “Chúng ta giành được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”¹². Theo đó, Người yêu cầu chính quyền các cấp cần thực hiện ngay bốn điều mấu chốt là: “1/Làm cho dân có ăn. 2/Làm cho dân có mặc. 3/Làm cho dân có chỗ ở. 4/Làm cho dân có học hành”¹³.

Thứ ba, phát triển toàn diện đất nước

Hồ Chí Minh luôn hướng đến sự phát triển toàn diện của đất nước, xem đó là mục tiêu, động lực của quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội. Nhận thức sâu sắc về mối quan hệ giữa các lĩnh vực của đời sống xã hội, Hồ Chí Minh đã có những tư duy vừa bao quát, vừa cụ thể trong cách thức quản lý phát triển xã hội. Theo Hồ Chí Minh, kinh tế là cơ sở, là điều kiện cơ bản để phát triển xã hội. Người thường dùng cách nói của người xưa “dân dĩ thực vi thiên”, “có thực mới vực được đạo”, để khẳng định vai trò tiên phong của kinh tế.

Trong mối quan hệ với xã hội, kinh tế đóng vai trò là nền tảng, không có một chính sách xã hội nào có thể thoát ra ngoài cơ sở kinh tế. Ngược lại các chính sách xã hội có khả năng hỗ trợ cho kinh tế thì cũng đồng thời tạo điều kiện để giải quyết tốt các vấn đề xã hội. Xác định rõ mối quan hệ hữu cơ như vậy nên trong quá trình quản lý phát triển xã hội Hồ Chí Minh luôn gắn các chính sách phát triển kinh tế với các chính sách xã hội. Hồ Chí Minh cho rằng, “đời sống chúng ta ví như một con thuyền, nước dâng thì thuyền lên. Sản xuất, kinh tế của chúng ta

có phát triển thì đời sống mọi người mới cải thiện”¹⁴. Chỉ có cải thiện đời sống cho Nhân dân, bồi dưỡng sức dân, làm cho cuộc sống Nhân dân ngày càng ấm no, hạnh phúc thì mới tạo nên được những bước tiến cho xã hội.

Phát triển kinh tế, xã hội phải gắn với sự nhất quán về tư tưởng, lập trường chính trị. Theo Hồ Chí Minh: “Để cải tạo xã hội, một mặt phải cải tạo vật chất... một mặt phải cải tạo tư tưởng. Nếu không có tư tưởng xã hội chủ nghĩa thì không làm việc xã hội chủ nghĩa được”¹⁵. Điều lớn lao nhất trong xây dựng chế độ mới, nhà nước mới là phải tạo ra được những tiền đề về vật chất. Muốn tạo được tiền đề vật chất ngoài việc chăm lo phát triển kinh tế thì cần phải xây dựng con người. Quan niệm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người gồm hai mặt gắn bó chặt chẽ với nhau: *một*, kế thừa được những giá trị tốt đẹp của truyền thống; *hai*, hình thành được những phẩm chất mới như có tư tưởng, đạo đức, tác phong xã hội chủ nghĩa, có trí tuệ, bản lĩnh... Hồ Chí Minh khẳng định: “trồng người” vừa là yêu cầu mang tính khách quan, vừa mang tính tất yếu “vì lợi ích trăm năm”.

Với Hồ Chí Minh, văn hóa không thể đứng ngoài mà phải ở trong kinh tế, chính trị và ngược lại kinh tế, chính trị phải nằm trong văn hóa. Theo Người, văn hóa phải phục vụ nhiệm vụ chính trị và ở trong chính trị; chỉ khi chính trị, xã hội được giải phóng thì văn hóa mới được giải phóng¹⁶. Trong mối quan hệ với kinh tế, Hồ Chí Minh chỉ ra rằng: “Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển kinh tế và văn hóa”¹⁷. Kinh tế chính là cơ sở của văn hóa, kinh tế phải đi trước một bước để có điều kiện xây dựng và phát triển văn hóa. Ngược lại: “Trình độ văn hóa của nhân dân nâng cao sẽ giúp chúng ta đẩy mạnh công cuộc khôi phục kinh tế, phát triển dân chủ. Nâng cao trình độ văn hóa của Nhân dân cũng là một việc cần thiết để xây dựng nước ta thành một nước hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”¹⁸.

2. Nguyên tắc quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Thứ nhất, cách mạng muốn thành công phải có đảng cách mạng lãnh đạo, đảng phải lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm cốt. Đảng ra đời và lãnh đạo sự nghiệp cách mạng là một yêu cầu tất yếu, khách

quan của lịch sử dân tộc. Tính tất yếu đó không chỉ thể hiện trong đấu tranh giành độc lập mà cả trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Người khẳng định: “Có Đảng lãnh đạo, cách mạng và kháng chiến mới thắng lợi...”¹⁹. Khi cách mạng đã thành công thì sứ mệnh quản lý phát triển xã hội vẫn tiếp tục được ủy thác cho Đảng: “Vì phải xây dựng kinh tế, quốc phòng, văn hóa, xã hội cho nên Đảng vẫn phải tổ chức, lãnh đạo, giáo dục quần chúng, để đưa nhân dân lao động đến thắng lợi hoàn toàn”²⁰. Để làm tròn nhiệm vụ, Đảng phải được vũ trang bằng một học thuyết cách mạng, học thuyết ấy chính là chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết duy nhất nêu lên mục tiêu, con đường và phương thức giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Chính vì vậy, quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội phải dựa trên những tư duy căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng lý luận để quản lý phát triển xã hội không có nghĩa là giáo điều, máy móc theo từng câu, từng chữ, mà chính là nắm vững tinh thần của chủ nghĩa ấy. Hay theo cách nói của Hồ Chí Minh là nắm vững lập trường, quan điểm và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đồng thời, phải thấu thái những tinh hoa của văn hóa dân tộc và thời đại, tham chiếu, học tập kinh nghiệm của các nước, vận dụng, phát triển sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam để từ đó hình thành nên một đường lối, phương thức quản lý đất nước thực sự hiệu lực, hiệu quả.

Thứ hai, muốn quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội thì người cách mạng, hay đảng cách mạng trước tiên phải có đạo đức cách mạng. Theo Hồ Chí Minh: “Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”²¹. Với các nhà quản lý phát triển xã hội thì đạo đức càng phải được đề cao. Bởi: “Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang”²². Người yêu cầu các nhà quản lý phải ra sức tu dưỡng đạo

đức, liên hệ mật thiết với Nhân dân, phải là đầy tớ trung thành, công bộc tận tụy của nhân dân. Phải sống và làm việc sao cho dân tin, dân yêu, nếu có lỗi với dân phải thật thà xin lỗi và quyết tâm sửa lỗi. Đối với Đảng, Hồ Chí Minh không chỉ quan tâm xây dựng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, mà còn đặc biệt quan tâm về đạo đức, coi đó là bản chất của một chính đảng cầm quyền. Theo Người, chính trị cốt ở đoàn kết và thanh khiết, thanh khiết trong mọi việc²³. Do đó, Đảng phải thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện, bởi: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không còn trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”²⁴. Trong *Di chúc*, Người căn dặn: “Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của Nhân dân”²⁵.

Thứ ba, phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là thước đo sự giàu có về vật chất, văn minh, tiến bộ của một dân tộc. Bởi “một dân tộc biết cần, kiệm, biết liêm là một dân tộc giàu về vật chất, mạnh về tinh thần, một dân tộc văn minh, tiến bộ”²⁶. Theo Hồ Chí Minh: “Com chúng ta ăn, áo chúng ta mặc, vật liệu chúng ta dùng, đều do mồ hôi nước mắt của Nhân dân mà ra. Vì vậy chúng ta phải đền bù xứng đáng cho Nhân dân. Muốn làm như vậy, chúng ta phải cố gắng thực hiện cần, kiệm, liêm, chính”²⁷. Cần, kiệm, liêm, chính trong quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội không nên chỉ giới hạn ở cách hiểu truyền thống mà cần phải được bổ sung bằng những nội dung, yêu cầu thực tiễn của quá trình xây dựng, phát triển đất nước. Cần không chỉ là sự cần cù, chịu khó của nhà quản lý mà còn là trình độ tư duy, sự chủ động, nhạy bén trong nắm bắt thông tin, đánh giá tình hình, đề xuất phương hướng, giải pháp thực hiện. Kiệm không chỉ là ý thức tiết kiệm mà còn đòi hỏi sự tinh táo, tinh tường, nắm bắt thời cơ, vận hội, cạnh tranh một cách có hiệu quả để làm cho đất nước ngày càng phồn vinh. Liêm, bên cạnh yêu cầu phải sống trong sạch, không tham danh lợi,... còn phải đặc biệt nhấn mạnh đến yêu cầu đấu tranh loại bỏ tham nhũng, sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, phẩm chất đạo đức của nhà quản lý. Cần, kiệm, liêm là gốc rễ

của chính. Cán bộ lãnh đạo, quản lý đã cần, kiệm, liêm, nhưng còn phải chính mới là người có khí tiết cao thượng, xứng đáng để lãnh đạo, vận hành quá trình phát triển xã hội. Có cần, kiệm, liêm, chính thì mới có chí công vô tư. Công bằng vì việc công, công tâm trong tổ chức cán bộ, khách quan, trung thực trong phân phối, bảo vệ quyền lợi, lợi ích chính đáng của Nhân dân...

Thứ tư, lý luận phải gắn với thực tiễn: Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận gắn với thực tiễn luôn được xem là nguyên tắc cơ bản để thực hiện quản lý phát triển xã hội, bảo đảm sự tiến bộ, công bằng cho xã hội. Người cho rằng, chỉ có lý luận mới “làm cho quần chúng giác ngộ... Có lý luận soi đường thì quần chúng hành động mới đúng đắn, mới phát triển được tài năng và lực lượng vô cùng tận của mình”²⁸; “lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế”²⁹. “Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không có liên hệ với thực tiễn là lý luận suông”³⁰. Lý luận và thực tiễn trong quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội luôn có mối quan hệ biện chứng, chặt chẽ với nhau. Thực tiễn quản lý phát triển xã hội luôn đòi hỏi phải có nền tảng lý luận soi đường, dẫn lối. Ngược lại đường lối quản lý phát triển xã hội phải được xây dựng dựa trên cơ sở thực tiễn, phản ánh thực tiễn và phải luôn liên hệ với thực tiễn. Không có lý luận thì công tác quản lý sẽ rơi vào chủ nghĩa kinh nghiệm; thiếu thực tiễn thì nhà quản lý cũng sẽ sa vào chủ nghĩa giáo điều và suy cho cùng, chủ nghĩa kinh nghiệm hay chủ nghĩa giáo điều đều là kết quả của tư duy quản lý chủ quan, duy ý chí. Vì vậy, sự kết hợp giữa lý luận và thực tiễn trong quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội luôn là điều kiện cần để đảm bảo cho xã hội được vận động trong trạng thái công tâm, khách quan, khoa học.

Thứ năm, tập trung dân chủ. Tập trung dân chủ vừa là nguyên tắc lãnh đạo cao nhất của Đảng, vừa là nguyên tắc thể hiện rõ mục tiêu quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nguyên tắc này hướng tới việc đảm bảo tính tập trung, tính dân chủ trong cách thức quản lý, vận hành xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng cho xã hội. Tính dân chủ thể hiện ở việc

bảo đảm quyền phổ thông đầu phiếu, quyền bầu cử, quyền ứng cử của Nhân dân trong việc bầu ra và quản lý các cơ quan nhà nước. Tính tập trung thể hiện ở sự thống nhất về mặt ý chí của các cơ quan công quyền, ở ý Đảng lòng dân trong việc thực thi các chủ trương, chính sách phát triển đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội... Tập trung và dân chủ trong quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội luôn có mối quan hệ biện chứng, chặt chẽ với nhau: Tập trung trên nền tảng của dân chủ, dân chủ thực hiện dưới sự chỉ đạo của tập trung. Theo Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, cách thức quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội của Đảng phải được kết tinh dựa trên trí tuệ của tập thể. Từ sự kết tinh này thống nhất thành một đường lối để toàn Đảng, toàn dân cùng nhau thực thi và vận hành xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa ấy là tập trung. Muốn phát huy tính tập trung, dân chủ trong quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội thì Đảng “phải mở rộng dân chủ, thực hành lãnh đạo tập trung, nâng cao tính tổ chức và tính kỷ luật”; đồng thời, phải chống lại tính độc đoán, chuyên quyền; hay ngược lại, dựa dẫm vào tập thể, không dám quyết đoán, không dám chịu trách nhiệm.

Thứ sáu, thượng tôn pháp luật: Nhân mạnh đến tính chất dân chủ của mô hình nhà nước kiểu mới, Hồ Chí Minh rất coi trọng nguyên tắc quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội bằng luật pháp. Với quan điểm “trăm điều phải có thần linh pháp quyền”, Hồ Chí Minh đã chủ động xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa hợp hiến, hợp pháp, dân chủ và coi trọng tính hiệu lực, hiệu quả của mô hình nhà nước kiểu mới ấy. Người luôn quan tâm đến cả hai mặt: Xây dựng, hoàn thiện các thiết chế của bộ máy nhà nước, đồng thời, ban hành các thể chế hiến pháp và pháp luật nhằm tạo cơ sở pháp lý, khoa học để tổ chức “một chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của Nhân dân”. Đó là một Nhà nước có cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động thích hợp với điều kiện lịch sử Việt Nam lúc bấy giờ. Khác với thuyết “pháp trị” trong xã hội phong kiến, khác với lý luận pháp quyền của xã hội tư sản, quan điểm về thượng tôn pháp luật

Xem tiếp trang 35

